

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2017/HNGĐ-ST
Ngày 04-10-2017
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Vịnh - Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu
2. Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Viết Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2017. Về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2017/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2017/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1992; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã H, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Thôn Đ, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên;

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1991; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn Đ, xã H, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

Chị H có mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thu H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đình T kết hôn với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **Hùng Tiến**, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng vào ngày **30 tháng 12 năm 2011**. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, vợ chồng không hợp nhau về tính cách, cũng như việc anh T mãi mê chơi bời không quan tâm đến gia đình, vợ con và có quan hệ ngoài hôn nhân với người phụ nữ khác, nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm nhau, thậm chí cả xô xát với nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả, hiện vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Đình T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Thị Như N, sinh ngày 30/6/2012 và Nguyễn Đình Quốc B, sinh ngày 24/5/2014. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N còn anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu B. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị xin tự giải quyết với anh T.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 21 tháng 7 năm 2017, bị đơn anh Nguyễn Đình T khai nhận:

Anh xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như nội dung chị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm **2015** thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách, không tin tưởng nhau trong quan hệ hôn nhân, nên thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã, xúc phạm và xô xát với nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Tuy nhiên, anh không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị H vì con anh còn nhỏ cần có sự chăm sóc của cả bố và mẹ, hơn nữa anh vẫn còn tình cảm với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Nguyễn Thị Như N, sinh ngày 30/6/2012 và Nguyễn Đình Quốc B, sinh ngày 24/5/2014. Nếu ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B còn chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh xin tự giải quyết với chị H.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo xác định quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, về thẩm quyền đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử xét những nội dung sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thu H xin ly hôn với anh Nguyễn Đình T.

+ Về con chung: Đề nghị giao con chung là Nguyễn Thị Như N, sinh ngày 30/6/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung là Nguyễn Đình Quốc B, sinh ngày 24/5/2014 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị H và anh T xin tự giải quyết, nên không đặt ra để giải quyết.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu, không xét.

+ Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thu H và bị đơn là anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1991 có đàn ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Đ, xã H, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đều có mặt theo giấy triệu tập của tòa án, có bản tự khai và tham gia đầy đủ Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, có mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Như vậy, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Nguyễn Đình T đã nhận được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án về việc thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng tại phiên tòa lần 2 anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Đình T.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ và lời khai của các đương sự, lời khai của người làm chứng, các tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp và do Tòa án thu thập được, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thu H và anh Nguyễn Đình T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hùng Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng năm 2011. Như vậy, hôn nhân này là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2015 sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách, không tin tưởng nhau tròn quan hệ hôn nhân, nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xô xát với nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, chị H xin ly hôn, anh T không đồng ý, anh cho rằng anh vẫn còn tình cảm với chị H và vì con cái còn nhỏ cần có sự chăm sóc của cả bố và mẹ. Tuy nhiên, anh không đưa ra được biện pháp để khắc phục những mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh không đến, chứng tỏ anh không thực sự muốn níu kéo tình cảm vợ chồng, việc anh không lên Tòa án và không đồng ý ly hôn với chị H chỉ nhằm gây khó khăn cho chị H và kéo dài sự ràng buộc không cần thiết, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thu H xin ly hôn với anh Nguyễn Đình T.

- Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Nguyễn Thị Như N, sinh ngày 30/6/2012 và Nguyễn Đình Quốc B, sinh ngày 24/5/2014. Xét việc con chung Nguyễn Thị Như N là con gái hiện đang ở cùng với chị H, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu N, và Nguyễn Đình Quốc B đang ở cùng với anh T, anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Bảo. Nên, việc giao con chung là Nguyễn Thị Như N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung là Nguyễn Đình Quốc B cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của cả chị H và anh T. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là Nguyễn Thị Như Ngọc cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung là Nguyễn Đình Quốc Bảo cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị H và anh T xin tự giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu, không xét.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Đình T.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Như N, sinh ngày 30/6/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật và giao con chung là Nguyễn Đình Quốc B, sinh ngày 24/5/2014 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị H và anh T tự giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số **0005371 ngày 15 tháng 5 năm 2017** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKS ND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THA DS huyện Vĩnh Bảo;
- **UBND xã Hùng Tiến, huyện Vĩnh Bảo**
- Các đương sự;
- Lưu: Hành chính tư pháp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Vịnh